TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày: 29/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoài Khanh

2. Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 89S/20 đường Chu Văn An, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Bà Thị Ngọc T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà G Lô A đường V, khu phố E, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà H đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và bà Thị Ngọc T1 là đồng nghiệp dạy chung trường trung học cơ sở N nên tôi có

cho bà T1 vay tiền, số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để điều trị bệnh ung thư cho chị bà T1, khi vay tiền có làm biên nhận ngày 01/5/2021, biên nhận do bà T1 tự viết và tự ký tên, viết tại nhà tôi, khi viết biên nhận có mặt tôi và chồng tôi ông Nguyễn Đình B và hẹn 05 tháng sẽ trả tiền gốc cho tôi, khi cho vay tiền thì không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay tiền bà T1 không trả tiền gốc cũng không trả lãi cho tôi, vợ chồng tôi nhiều lần đến nhà bà T1 yêu cầu trả tiền nhưng bà T1 đều cố tình tránh mặt. Nguồn tiền cho bà T1 vay là tiền chung của 02 vợ chồng tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Thị Ngọc T1 trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn bà Thị Ngọc T1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bà Thị Ngọc T1 theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng bà Thị Ngọc T1 không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Tại bản tự khai ngày 15/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình B trình bày: Vợ tôi bà Nguyễn Thị T và bà Thị Ngọc T1 là đồng nghiệp dạy chung trường trung học cơ sở N nên vợ tôi cho bà T1 vay tiền, số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để điều trị bệnh ung thư cho chị bà T1, khi vay tiền có làm biên nhận ngày 01/5/2021 (biên nhận do bà T1 tự viết và tự ký tên, viết tại nhà tôi, khi viết biên nhận có mặt tôi và vợ tôi) và hẹn 05 tháng sẽ trả tiền gốc cho bà T, khi cho vay tiền thì không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay tiền bà T1 không trả tiền gốc cũng không trả lãi, vợ chồng tôi nhiều lần đến nhà bà T1 yêu cầu trả tiền nhưng bà T1 cố tình tránh mặt. Nguồn tiền cho bà T1 vay là tiền chung của 02 vợ chồng tôi. Nay tôi yêu cầu bà T1 trả cho bà T số tiền gốc 100.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/5/2021 cho đến khi kết thúc vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án được thụ lý ngày 07/11/2022 nhưng đến ngày 17/11/2023 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Thị Ngọc T1 trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B số tiền gốc 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T rút phần yêu cầu tính lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu bà T1 đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Thị Ngọc T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do và bà T đồng ý xét xử vắng mặt bà T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình B vắng mặt nhưng ông B có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T1, ông B.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại biên nhận ngày 01/5/2021, bà T1 vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền là 05 tháng. Tuy nhiên từ khi vay tiền đến nay bà T1 không trả tiền gốc cho bà T; như vậy bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T như đã thỏa thuận trong biên nhận. Mặt khác, tại biên nhận ngày 01/5/2021 do bà T1 là người trực tiếp viết và có chữ ký tên của bà T1. Theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì việc bà T1 có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng là có thật. Ngoài ra, bà T và ông B cùng xác nhận nguồn tiền cho bà T1 vay là tiền chung của 02 vợ chồng và hiện nay bà T, ông B vẫn là vợ chồng hợp pháp nên cần buộc bà T1 trả số tiền trên cho vợ chồng bà T, ông B. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T, ông B số tiền vay gốc 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà T xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện tính lãi suất đối với bị đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Thị Ngọc T1. Buộc bà Thị Ngọc T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban T2. Buộc bà Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002473 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn bà Thị Ngọc T1.

- Buộc bà Thị Ngọc T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B số tiền là 100.000.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Thị Ngọc T1 trả số tiền lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Bà Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002473 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

THẠCH SÔ PHÉP